

Số: 190/QĐ-ĐHĐĐ

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v ban hành “Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc”

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ**

Căn cứ Quyết định 534/QĐ-TTg ngày 03/10/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Đông Đô;

Căn cứ Quyết định số 235/QĐ-TTg ngày 17/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi Trường Đại học Dân lập Đông Đô sang loại hình tư thục;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT ngày 06/12/2021 quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đào tạo;

Căn cứ Quyết định 564/QĐ-ĐHĐĐ ngày 25/06/2021 của Hiệu trưởng Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ở Trường Đại học Đông Đô;

Căn cứ Biên bản số 56/BB-ĐHĐĐ ngày 29/03/2023 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Đông Đô về việc Thảo luận, thông qua chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc và quy trình, nội dung đánh giá, cập nhật, bổ sung, soạn thảo chương trình đào tạo trình độ đại học các ngành còn lại;

Theo đề nghị của Trưởng khoa Ngôn ngữ Trung Quốc, Trưởng phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc”, mã ngành 7220204.

**Điều 2.** Chương trình trên áp dụng cho đào tạo trình độ đại học hệ chính quy và là cơ sở để biên soạn chương trình đào tạo cùng trình độ các hệ đào tạo khác của ngành Ngôn ngữ Trung Quốc từ năm tuyển sinh 2023. Các chương trình liên quan trước đây đều được bãi bỏ.

**Điều 3.** Các ông, bà Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Đào tạo và Quản lý sinh viên, Khảo thí - Thanh tra và Đảm bảo chất lượng, Tài chính - Kế toán, Trưởng Khoa Ngôn ngữ Trung Quốc chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /N

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
ĐÔNG ĐÔ  
TS Nguyễn Thái Sơn

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC  
KHOA NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC**

*(Ban hành theo Quyết định số 190/QĐ-ĐHĐĐ ngày 29 tháng 03 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đông Đô)*

**Tên chương trình:** Chương trình đào tạo trình độ đại học Ngành ngôn ngữ Trung Quốc

**Trình độ đào tạo :** Đại học

**Ngành đào tạo :** Ngôn ngữ Trung Quốc

**Mã ngành :** 7220204

**Loại hình đào tạo :** Chính quy, Vừa làm vừa học

**1. Mục tiêu đào tạo**

**1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân Ngành ngôn ngữ Trung Quốc có đủ kiến thức, kỹ năng, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Trung, đáp ứng được yêu cầu của xã hội; đào tạo ra những nhà chuyên môn có khả năng thích ứng cao, có kiến thức tốt về ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc, có thể sử dụng tiếng Trung thành thạo, linh hoạt và có năng lực cơ bản, kỹ năng cần thiết để làm việc trong môi trường hội nhập quốc tế, có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

**1.2.1. Kiến thức**

Người học có hệ thống kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, quốc phòng an ninh, nhà nước và pháp luật; có kiến thức cơ bản về ngôn ngữ, văn hoá - xã hội, kinh tế chính trị; có kiến thức về ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc để làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Trung Quốc, đặc biệt là công tác biên phiên dịch.

Có kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp dịch thuật để làm việc độc lập với tư cách là một biên, phiên dịch viên, nhân viên giao dịch quốc tế tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức Nhà nước hoặc tư nhân hoạt động trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Có phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành tiếng Trung Quốc để nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn và tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn.

**1.2.2. Kỹ năng**

Kỹ năng ngôn ngữ. Sử dụng tiếng Trung Quốc đạt trình độ tương đương HSK 5, đặc biệt là biên phiên dịch các chuyên ngành kinh tế, thương mại, du lịch.

Kỹ năng nghề nghiệp. Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ Trung Quốc, lý luận và phương pháp dịch thuật vào giải quyết các vấn đề liên quan đến tiếng Trung và công tác biên, phiên dịch; lập và thực hiện kế hoạch công tác đảm bảo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng thích ứng với thị trường lao động khi cần chuyển đổi nghề nghiệp; vận dụng hợp lý các kiến thức chuyên môn theo yêu cầu hội nhập quốc tế.

Kỹ năng tư duy lập luận và giải quyết vấn đề. Có kỹ năng vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam để xác định phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu cụ thể; vận dụng quy luật khách quan, xu thế thời đại vào thực tiễn để phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể trong học tập, nghiên cứu và trong cuộc sống.

Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có kỹ tự học, tự nghiên cứu để có thể làm việc độc lập, làm việc nhóm, hợp tác và làm việc với cộng đồng.

Kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Có kỹ năng vận dụng kiến thức vào điều kiện, môi trường công tác thực tế.

Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ thứ 2. Có kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ thứ hai đạt trình độ tương đương bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ. Có kỹ năng sử dụng công cụ công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn; khai thác hiệu quả mạng Internet phục vụ cho việc học tập, công tác và nghiên cứu.

### ***1.2.3. Thái độ***

Chấp hành đúng, đầy đủ các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Nhà trường; có ý chí vươn lên trong học tập; tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động sinh hoạt học thuật, nghiên cứu khoa học và hoạt động đoàn thể trong trường đại học và cộng đồng xã hội.

### ***1.2.4. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm***

Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ ở đơn vị công tác, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; có khả năng tự định hướng, thích nghi với yêu cầu đổi mới của môi trường công tác; có năng lực tự học, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể trong lĩnh vực chuyên môn; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động trong quá trình công tác, đáp ứng nhu cầu xã hội.

### ***1.2.5. Định hướng nghề nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp***

Người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận được các vị trí: Biên dịch viên, phiên dịch viên và biên tập viên trong các công ty, cơ quan ngoại giao, các tổ chức

kinh tế, xã hội của Việt Nam và quốc tế; các nhà xuất bản, trung tâm phát hành sách, báo, tạp chí

Chuyên viên truyền thông, tổ chức sự kiện, thư ký, trợ lý ngôn ngữ Trung Quốc trong các công ty, đơn vị, tổ chức có sử dụng tiếng Trung Quốc;

Hướng dẫn viên, chuyên viên tư vấn tại các công ty du lịch, lữ hành, nhà hàng, khách sạn;

Giáo viên giảng dạy và nghiên cứu tiếng Trung Quốc tại các học viện, trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, phổ thông, trung tâm ngoại ngữ.

### **1.2.6. Định hướng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

Người học tốt nghiệp ngành ngôn ngữ Trung Quốc có thể tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở các bậc học thuộc các ngành và chuyên ngành thạc sĩ tiếng Trung Quốc; tiến sĩ tiếng Trung Quốc; thạc sĩ ngôn ngữ học; tiến sĩ ngôn ngữ học.

## **2. Chuẩn đầu ra**

**2.1. Kiến thức.** Sử dụng tốt tiếng Trung Quốc ở trình độ cấp 5 HSK, cụ thể:

Nghe hiểu. Nghe hiểu và nắm bắt được những nội dung có lượng từ vựng phong phú và mẫu câu tương đối phức tạp được giảng bằng tiếng Trung Quốc như giải thích từ ngữ, phân tích ngữ pháp, giới thiệu kiến thức bồi dưỡng văn hoá Trung Quốc; đặc biệt nâng cao kỹ năng nghe tin tức, nghe bản tin tài chính...

Nói. Có khả năng thuyết trình độc lập hoặc tiến hành thảo luận, phản biện ... theo nhóm, thực hiện giao tiếp tốt trong mọi tình huống giao tiếp xã hội.

Đọc hiểu. Thành thạo mọi kỹ năng đọc hiểu: đọc lướt, đọc kỹ, đọc tốc độ nhanh, sau khi đọc nắm bắt nội dung vấn đề trong mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, lịch sử..., có khối lượng từ vựng phong phú, đọc hiểu toàn diện nhiều văn bản thuộc các lĩnh vực khác nhau mà không lệ thuộc sách công cụ;

Viết. Nắm được quy cách viết các loại thư tín trong thương mại, hợp đồng, hồ sơ thầu... Biết soạn báo cáo điều tra thị trường, trình bày mạch lạc, đúng văn phong.

Nắm vững những kiến thức cơ bản về hệ thống ngữ âm và phương pháp phân tích ngữ âm trong tiếng Trung Quốc; hiểu được các nguyên lý phát âm cơ bản và có năng lực phân tích ngữ âm cũng như tự sửa âm cho bản thân và cho người khác. Nắm được những kiến thức và lý luận cơ bản về từ vựng học, ngữ nghĩa học tiếng Trung Quốc, hiểu được một cách toàn diện và nắm được những kỹ năng phân tích ngữ nghĩa, để có thể áp dụng vào các văn bản cần biên phiên dịch cho chuẩn xác;

Nắm vững kiến thức về các vấn đề cơ bản của ngữ pháp tiếng Trung Quốc, có thể phân tích thành thạo các thành phần câu trong câu đơn, phân tích mối quan hệ giữa các phân câu trong câu phức, từ đó nâng cao kỹ năng biểu đạt, giúp hoàn thiện các kỹ năng tiếng, vận dụng vào việc biên phiên dịch, và đặt nền móng cho việc tiếp

tục nghiên cứu chuyên sâu về chuyên ngành ngôn ngữ Trung Quốc ở giai đoạn học sau đại học;

Nắm được kiến thức cơ bản và hệ thống về đất nước, con người, văn hóa Trung Quốc thông qua các chuyên đề cụ thể về địa lý, lịch sử, chính trị, kinh tế, văn hóa, phong tục. Hiểu về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, giúp người học có thể giao tiếp thành công trong môi trường liên văn hóa, hỗ trợ tích cực cho công tác biên phiên dịch, hướng dẫn du lịch công tác nghiên cứu và các công việc liên quan khác;

Nắm được kiến thức cơ bản về lý thuyết dịch thuật, các kiến thức liên quan về hai hoạt động Biên dịch, Phiên dịch, các phương pháp và kỹ xảo chính trong Biên dịch, Phiên dịch;

Biết cách ứng dụng các kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa vào dịch thuật trong các lĩnh vực ngoại giao, chính trị, kinh tế, giáo dục, du lịch...;

Biết cách vận dụng các kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch nói chung vào dịch chuyên đề báo chí, dịch văn học, dịch kinh tế, thương mại du lịch, cũng như vận dụng vào các loại hình dịch khác nhau như dịch song song, dịch nói tiếp, dịch nghe nhìn...

Thông qua chương trình thực tập, cử nhân ngành ngôn ngữ Trung Quốc vận dụng các kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch hay kiến thức ngành du lịch - thương mại đã học vào công việc thực tiễn tại các cơ quan, văn phòng, công ty... đồng thời mở rộng các kỹ năng cần thiết khác của người phiên dịch, người hướng dẫn viên du lịch, trợ lý làm quen với thực tế thị trường và xã hội, trở nên tự tin với nghề nghiệp hơn;

Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp sẽ tiến hành một dự án nghiên cứu theo chuyên ngành được đào tạo dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Thông qua khối kiến thức tự tìm hiểu để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp, sinh viên có cơ hội nghiên cứu sâu về một vấn đề chuyên môn, phát triển khả năng phân tích, tư duy phê phán ... Đối với sinh viên không làm khóa luận, các môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp được thiết kế mang tính tổng hợp cao, thông qua đó sinh viên nắm vững và vận dụng được tốt hơn những kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc nói chung và kiến thức định hướng ngành nói riêng.

## **2.2. Kỹ năng**

### **2.2.1. Kỹ năng ngôn ngữ**

Đạt được năng lực tiếng Trung Quốc (nghe, nói, đọc, viết) bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (tương ứng HSK5) và năng lực ngoại ngữ 2 tối thiểu bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam; có năng lực biên phiên dịch thành thạo tiếng Trung Quốc trong giao tiếp thông thường, có kỹ năng biên phiên dịch trong một số chuyên ngành kinh tế, thương mại, du lịch;

có khả năng ghi nhớ thông tin, phát âm chuẩn, giọng điệu tốt; chịu trách nhiệm về sản phẩm thông tin mình dịch về cả chất lượng và số lượng.

Đọc hiểu được nhiều loại văn bản dài, phức tạp thường gặp trong đời sống xã hội, trong môi trường công việc hay học thuật, kể cả các văn bản không thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình; viết các dạng bài viết một cách chi tiết, rõ ràng, bố cục chặt chẽ về các chủ đề phức tạp, làm nổi bật những ý quan trọng, mở rộng lập luận và quan điểm hỗ trợ cho bài viết với các bằng chứng, ví dụ cụ thể và tóm tắt dẫn đến kết luận phù hợp.

Nghe hiểu được những bài nghe, các thông tin kỹ thuật phức tạp như hướng dẫn vận hành, chi tiết kỹ thuật, các sản phẩm và dịch vụ không quen thuộc; diễn đạt trôi chảy, linh hoạt và hiệu quả, làm chủ và sử dụng thành thạo vốn từ vựng phong phú; sử dụng chính xác, tự tin và hiệu quả cách phát âm, từ vựng và cấu trúc ngữ pháp trong giao tiếp.

### **2.2.2. Kỹ năng nghề nghiệp**

Nhận thức được quyền của người phiên dịch, đạo đức nghề nghiệp của biên/phiên dịch, hợp đồng, tiền lương, làm quen với quá trình biên tập khác nhau và tích lũy trải nghiệm thực tế của nghề biên/phiên dịch qua các loại hình thực tập, tập sự.

Có khả năng ghi nhớ thông tin, phát âm, giọng điệu tốt.

Có khả năng nhận diện và tôn trọng các loại văn bản, quy ước và văn phong của các loại thuyết trình.

Có khả năng chịu trách nhiệm về sản phẩm thông tin mình dịch về cả chất lượng và số lượng.

Có kỹ năng vận dụng kiến thức nền tảng vào thực tiễn công việc, vận dụng được các mẫu câu và từ vựng chuyên ngành vào tình huống giao tiếp thực tế khi tham gia hoạt động trong lĩnh vực du lịch – thương mại.

Có kỹ năng sử dụng ngôn ngữ như một công cụ để tối đa hoá lợi ích thương mại của bên mình đại diện.

Có kỹ năng quản lý dịch vụ kinh doanh khách sạn nhà hàng, kỹ năng xử lý tình huống trong quản lý khách sạn nhà hàng.

### **2.2.3. Kỹ năng khác**

a) Kỹ năng tư duy lập luận và giải quyết vấn đề:

Vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam để xác định phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu cụ thể; vận dụng quy luật khách quan, xu thế thời đại vào thực tiễn để phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể trong học tập, nghiên cứu và trong cuộc sống.

Lập và thực hiện được kế hoạch công tác cá nhân một cách chủ động, có hệ thống; vận dụng hợp lý các kiến thức chuyên môn theo yêu cầu hội nhập quốc tế.

Thích ứng với thị trường lao động khi cần chuyển đổi nghề nghiệp.

b) Khả năng nghiên cứu khoa học về ngôn ngữ

Hình thành giả thuyết, thu thập và phân tích, xử lý thông tin hoặc tham gia nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc.

Thuyết trình, giao tiếp tốt, làm việc độc lập và làm việc nhóm có hiệu quả.

c) Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn

Có khả năng thích nghi với xã hội và môi trường công tác.

Tổ chức được các hoạt động chuyên môn khác, đảm bảo tính khả thi, sát hoàn cảnh và điều kiện, thể hiện khả năng hợp tác, cộng tác.

d) Năng lực sử dụng ngoại ngữ thứ 2: Giao tiếp được bằng ngoại ngữ 2 đạt trình độ tương đương bậc 3/6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.

e) Vận dụng công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ: Sử dụng được các công cụ công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn; khai thác hiệu quả mạng Internet phục vụ cho việc học tập, công tác và nghiên cứu.

### **2.3. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm**

Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ ở đơn vị công tác, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; có khả năng tự định hướng, thích nghi với yêu cầu đổi mới của môi trường công tác; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể trong lĩnh vực chuyên môn; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động nghề nghiệp.

**3. Thời gian đào tạo:** 04 năm (có thể học vượt theo quy định)

**4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ** (chưa kể các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh ). Cụ thể:

<b>Khối kiến thức</b>	<b>Kiến thức bắt buộc</b>	<b>Kiến thức tự chọn</b>	<b>Tổng</b>
<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	30	0	<b>30</b>
<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trong đó:</b>	82	0	<b>82</b>
- Kiến thức cơ sở ngành	07	02	09
- Kiến thức ngành và chuyên ngành	74	08	82
<b>Thực tập tốt nghiệp và tốt nghiệp, trong đó:</b>	09	0	<b>09</b>
- Thực tập tốt nghiệp	3	0	3
- Khóa luận/Các học phần thay thế	6	0	6
<b>Tổng</b>	<b>120</b>	<b>10</b>	<b>130</b>

## 5. Đối tượng tuyển sinh, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

### 5.1. Đối tượng tuyển sinh

- Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Theo đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Đông Đô.

### 5.2. Quy trình đào tạo

- Theo quy chế đào tạo đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Theo quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Đông Đô.

**5.3. Điều kiện tốt nghiệp:** Kết thúc khoá học, sinh viên có đủ các tiêu chí sau được xét, công nhận và cấp bằng tốt nghiệp danh hiệu cử nhân Ngôn ngữ Trung Quốc:

- Tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Có tiếng Anh đạt trình độ theo quy định khung tham chiếu năng lực ngoại ngữ chung châu Âu, trình độ tin học theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Đông Đô;
- Có chứng chỉ Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh;
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Đã hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của Nhà trường.

**6. Thang điểm:** Sử dụng thang điểm 10, thang điểm 4, thang điểm chữ.

## 7. Nội dung chương trình

Stt	Mã học phần	Tên học phần xếp theo khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ	
				LT	TH
<b>7.1. Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc</b>			<b>30</b>	<b>23</b>	<b>07</b>
1	DC - 01	Triết học Mác-Lênin	3	2	1
2	DC - 02	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0
3	DC - 03	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4	DC - 04	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
5	DC - 05	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
6	DC - 06	Kỹ năng mềm	2	1	1
8	DC - 07	Tin học đại cương	3	1	2
9	DC - 08	Pháp luật đại cương	2	2	0
10	DC-9A/DC-9N	Tiếng Anh 1/Tiếng Nhật Bản 1	4	3	1
11	DC-10A/DC-10N	Tiếng Anh 2/Tiếng Nhật Bản 2	4	3	1
12	DC-11A/DC-	Tiếng Anh 3/Tiếng Nhật Bản 3	4	3	1



	11 N				
		Giáo dục thể chất	4		
		Giáo dục Quốc phòng-An ninh	4		
<b>7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>					
<b>7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>			9		
<b>Học phần bắt buộc 2 tc</b>					
13	NTCSN-01	Dẫn luận ngôn ngữ	2	1	1
14	NTCSN-02	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
15	NTCSN-03	Tập viết chữ Hán	3	2	1
<b>Học phần tự chọn 2 tc (Chọn 1 trong 4 học phần sau)</b>					
16	NTCSNTC-01	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0
16	NTCSNTC-02	Nghiệp vụ văn phòng	2	1	1
16	NTCSNTC-03	Logic học	2	2	0
16	NTCSNTC-04	Tâm lý đại cương	2	2	0
<b>7.2.2. Kiến thức ngành và chuyên ngành</b>			<b>82</b>		
<b>Học phần bắt buộc</b>			<b>74</b>	<b>37</b>	<b>37</b>
17	NTCN- 01	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	4	3	1
18	NTCN- 02	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	4	3	1
19	NTCN- 03	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	4	3	1
20	NTCN- 04	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	4	3	1
21	NTCN- 05	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	4	3	1
22	NTCN- 06	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 6	4	3	1
23	NTCN- 07	Nghe nói 1	2	1	1
24	NTCN- 08	Nghe nói 2	3	1	2
25	NTCN- 09	Nghe nói 3	3	1	2
26	NTCN- 10	Nghe nói 4	3	1	2
27	NTCN- 11	Đọc viết 1	2	1	1
28	NTCN- 12	Đọc viết 2	2	1	1
29	NTCN- 13	Đọc viết 3	3	1	2
30	NTCN- 14	Đọc viết 4	3	1	2
31	NTCN- 15	Lý thuyết dịch	2	1	1
32	NTCN- 16	Đất nước học Trung Quốc	2	1	1
33	NTCN- 17	Ngữ âm văn tự tiếng Hán	2	1	1
34	NTCN-18	Ngữ Pháp tiếng Hán hiện đại	3	1	2
35	NTCN-19	Từ vựng học tiếng Trung Quốc	2	1	1
36	NTCN-20	Dịch nói 1	3	1	2
37	NTCN-21	Dịch nói 2	3	1	2
38	NTCN-22	Dịch nói 3	3	1	2
39	NTCN-23	Dịch viết 1	3	1	2
40	NTCN-24	Dịch viết 2	3	1	2

41	NTCN-25	Dịch viết 3	3	1	2
<b>Học phần tự chọn 8 tc</b> (Chọn 3 trong 9 học phần)			<b>8</b>		
47	NTCNTC-01	Thuyết minh cảnh quan du lịch Hà Nội	3	1	2
47	NTCNTC-02	Văn học Trung Quốc	3	1	2
47	NTCNTC-03	Quán ngữ trong khẩu ngữ tiếng Hán	3	1	2
48	NTCNTC-04	Khẩu ngữ tiếng Trung 1	3	1	2
48	NTCNTC-05	Khẩu ngữ tiếng Trung 2	3	1	2
48	NTCNTC-06	Tiếng Trung du lịch	2	1	1
49	NTCNTC-07	Tiếng Trung khách sạn nhà hàng	2	1	1
49	NTCNTC-08	Tiếng Trung báo chí	3	1	2
49	NTCNTC-09	Tiếng Trung văn phòng	2	1	1
<b>7.3. Thực tập, khóa luận/đồ án tốt nghiệp</b>			<b>9</b>		
50	1123149	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3
<b>7.4. Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế</b>					
51. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế			6	2	4
51.1	1123151	Ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc	3	1	2
51.2	1123152	Kỹ năng thuyết trình	3	1	2
<b>Tổng</b>			<b>130</b>		

## 8. Kế hoạch giảng dạy

### HỌC KỲ I

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng số	LT	TH
1	NTCSN-03	Tập viết chữ Hán	3	2	1
2	NTCN- 01	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	4	3	1
3	NTCN- 02	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	4	3	1
4	DC - 01	Triết học Mác-Lênin	3	3	0
5	DC - 06	Kỹ năng mềm	2	1	1
6	DC - 9A	Tiếng Anh 1/Tiếng Nhật 1	4	3	1
<b>Tổng</b>			<b>20</b>	13	4

### HỌC KỲ II

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng số	LT	TH

1	NTCN-03	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	4	3	1
2	NTCN-04	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	4	3	1
3	NTCN-07	Nghe nói 1	2	1	1
4	NTCN-11	Đọc viết 1	2	2	0
5	DC - 02	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2	2	0
6	DC - 10A	Tiếng Anh 2/Tiếng Nhật 2	4	3	1
<b>Tổng</b>			<b>18</b>	<b>14</b>	<b>5</b>

### HỌC KỲ III

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng số	LT	TH
1	NTCN- 05	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	4	3	1
2	NTCN- 06	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 6	4	3	1
3	DC - 07	Tin học đại cương	3	2	1
4	DC - 08	Pháp luật đại cương	2	2	0
5	DC - 03	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
6	DC - 11A	Tiếng Anh 3/Tiếng Nhật 3	4	3	1
<b>Tổng</b>			<b>19</b>	<b>14</b>	<b>4</b>

### HỌC KỲ IV

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng số	LT	TH
1	NTCN- 08	Nghe nói 2	3	2	1
2	NTCN- 12	Đọc viết 2	2	2	0
3	NTCN - 15	Lý thuyết dịch	2	2	0
4	NTCSNTC-1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0
5	DC - 04	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
6	DC - 05	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
7	NTCSN- 01	Dẫn luận ngôn ngữ	2	2	0
<b>Tổng</b>			<b>15</b>	<b>16</b>	<b>2</b>

### HỌC KỶ V

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng số	LT	TH
1	NTCN -09	Nghe nói 3	3	2	1
2	NTCN -13	Đọc viết 3	3	2	1
3	NTCN -18	Ngữ pháp tiếng Hán hiện đại	3	3	0
4	NTCN -17	Ngữ âm văn tự tiếng Hán	2	2	0
5	NTCN -20	Dịch nói 1	3	2	1
6	NTCN -23	Dịch viết 1	3	2	1
<b>Tổng</b>			<b>17</b>	<b>13</b>	<b>4</b>

### HỌC KỶ VI

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng số	LT	TH
1	NTCN -10	Nghe nói 4	3	2	1
2	NTCN -14	Đọc viết 4	3	2	1
3	NTCN -21	Dịch nói 2	3	2	1
4	NTCN -24	Dịch viết 2	3	2	1
5		Tự chọn (chọn 2/6 học phần)	6		
5.1	NTCNTC- 01	Thuyết minh du lịch Hà Nội	3	2	1
5.2	NTCNTC- 02	Văn học Trung Quốc	3	2	1
5.3	NTCNTC- 03	Quán ngữ trong khẩu ngữ tiếng Hán	3	2	1
5.4	NTCNTC-04	Khẩu ngữ tiếng Trung 1	3	2	1
5.5	NTCNTC- 05	Khẩu ngữ tiếng Trung 2	3	2	1
5.6	NTCNTC- 08	Tiếng Trung báo chí	3	2	1
<b>Tổng</b>			<b>18</b>	<b>12</b>	<b>6</b>

### HỌC KỶ VII

Stt	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng số	LT	TH
1	NTCN - 22	Dịch nói 3	3	2	1
2	NTCN- 24	Dịch viết 3	3	2	1
3	NTCN - 19	Từ vựng học tiếng Trung Quốc	2	2	0

4		Tự chọn (chọn 1/3 học phần)			
	NTCNTC- 07	Tiếng Trung Quốc khách sạn nhà hàng	2	2	0
	NTCNTC-06	Tiếng Trung Quốc du lịch	2	2	0
	NTCNTC- 09	Tiếng Trung Quốc trong văn phòng	2	2	0
5	NTCSN- 02	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
6	NTCN - 16	Đất nước học Trung Quốc	2	2	0
		<b>Tổng</b>	<b>14</b>	<b>12</b>	<b>2</b>

### HỌC KỲ VIII

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ		
			Tổng số	LT	TH
1	NTTTTN	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3
2	NTKLTN	Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế	6	4	2
	NTHPTT- 01	Ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc	3	2	1
	NTHPTT - 02	Kỹ năng thuyết trình	3	2	1
		<b>Tổng</b>	<b>9</b>	<b>4</b>	<b>5</b>

## 9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

### 9.1. Đối với Khoa Ngôn ngữ Trung Quốc

- Phải thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình;
- Cung cấp đề cương chi tiết cho giảng viên giảng dạy từng học phần để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy;
- Cố vấn học tập phải hiểu nội dung, hình thức thực hiện chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần;
- Chuẩn bị đầy đủ học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình;
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mô đun kiến thức của học phần tiên quyết, học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

### 9.2. Đối với giảng viên

- Nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp;
- Cung cấp học liệu cho sinh viên trước khi lên lớp để sinh viên chuẩn bị bài trước khi lên lớp nghe giảng;

- Tổ chức cho sinh viên các buổi Seminar, chú trọng việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án; xác định các phương pháp truyền thụ, thuyết trình tại lớp; hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

### **9.3. Kiểm tra, đánh giá:**

- Theo quy chế đào tạo đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Theo quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ở Trường Đại học Đông Đô.

### **9.4. Đối với sinh viên**

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ;
- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng;
- Phải lên lớp đầy đủ thời gian để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên;
- Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar.
- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp;
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

**9.5. Dự kiến mức học phí/người học/năm:** 750.000VND/01 tín chỉ. Mức tăng không quá 10%/năm.

## MÔ TẢ HỌC PHẦN

1. **Triết học Mác-Lênin:** Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

2. **Kinh tế chính trị Mác-Lênin:** Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.

Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.

Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình

3. **Chủ nghĩa xã hội khoa học:** Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử đó, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và những vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

4. **Tư tưởng Hồ Chí Minh:** Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng

sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

**5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam:** Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

## **6. Tiếng Anh 1**

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình. Giới thiệu và luyện tập cho người học các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA, cung cấp hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như: Đại từ nhân xưng, động từ “to be”, tính từ sở hữu, Mạo từ, Động từ, tân ngữ, Đại từ sở hữu, đại từ phản thân, Giới từ, Hiện tại đơn, Hiện tại tiếp diễn, Quá khứ đơn, Quá khứ tiếp diễn, be going to, Tương lai đơn; đồng thời giới thiệu cho người học hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Từ đó rèn luyện cho người học các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở dạng làm quen ban đầu. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình.

## **7. Tiếng Anh 2**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1

Học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên vốn kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp cơ bản. Rèn luyện cho sinh viên hệ thống phiên âm quốc tế, cấu trúc và các yếu tố ngữ pháp cơ bản như thì quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành..., các từ loại danh từ, số từ, tính từ, trạng từ, câu so sánh. Học phần rèn luyện cho sinh viên năng lực sử dụng các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết vào các tình huống gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Sinh viên làm quen với cách viết thư, mô tả người và vật....., đọc và nghe hiểu về các chủ đề về sở thích, du lịch, mạng xã hội....và biết vận dụng các từ vựng và ngữ pháp theo các chủ đề của giáo trình vào trong giao tiếp thực tế cuộc sống ở mức trung bình.

## **8. Tiếng Anh 3**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2



Học phần cung cấp cho học viên vốn kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp cấu trúc ngữ pháp cơ bản gồm thì của động từ. Ngoài ra còn có các cấu trúc câu với Could have (done), Must (have) and can't (have), May (have) and might (have), Ought to, should, have to; Be/get used to something, câu so sánh....(I'm used to...); Prefer and would rather, Had better do something; It's time someone did something; Still and yet , Anymore / any longer / no longer , Although/though/even though In spite of / despite, Even. Thêm vào đó là các dạng câu như: câu điều kiện loại 1, 2, 3; câu bị động, câu trực tiếp, câu giả định; mệnh đề quan hệ xác định và không xác định, câu so sánh. Học viên sử dụng từ vựng và cấu trúc đủ để giao tiếp trong các tình huống từ đơn giản chuyển dần sang phức tạp như nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề trong giáo trình.

**9. Tin học Đại Cương:** Đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), trình chiếu văn bản (Powerpoint), bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

**10. Pháp luật Đại Cương:** Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.

**11. Kỹ năng mềm :** Mục tiêu của học phân nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kỹ năng giao tiếp và hiểu được tầm quan trọng của kỹ năng giao tiếp trong công việc và trong đời sống. trên cơ sở đó, sinh viên có thái độ và động cơ đúng đắn trong rèn luyện, phát triển và hoàn thiện các kỹ năng giao tiếp trong thực tiễn.

Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình là môn khoa học ứng dụng, nghiên cứu các nội dung như: tổng quan về giao tiếp, các kỹ năng giao tiếp cơ bản và kỹ năng thuyết trình.

- Hiểu được các kiến thức cơ bản về giao tiếp, kỹ năng giao tiếp và thuyết trình.
- Phát triển và hoàn thiện kỹ năng giao tiếp và thuyết trình.
- Vận dụng được các kỹ năng giao tiếp và thuyết trình trong thực tế.

**12. Tập viết chữ Hán:** Mục đích của môn học "Tập viết chữ Hán" là để giúp học viên nhanh chóng nắm vững chữ Hán, khắc phục những khó khăn lớn khi học tiếng Hán. Môn học còn yêu cầu học viên phải bắt đầu luyện tập từ những kiến thức cơ bản, tức là đầu tiên yêu cầu học viên nắm vững cách viết chính xác các nét cơ bản của chữ Hán và những quy tắc cơ bản khi viết chữ Hán, và phân tích kết cấu của chữ Hán. Sau khi tiếp xúc với một số chữ Hán nhất định, học viên có sự hiểu biết ban đầu về kết cấu cơ bản của chữ Hán, sau đó mới phân biệt kết cấu chữ Hán giống nhau hoặc gần giống nhau, nhận ra một số quy luật của kết cấu cấu thành chữ Hán. Phương pháp môn học này sử dụng chủ yếu là luyện viết theo phương pháp truyền thống của Trung Quốc, đó là phương pháp tô theo, mô phỏng viết theo, giúp các bạn quen với mặt chữ, thứ tự các nét, luyện viết chữ Hán tốt hơn.

**13. Dẫn luận ngôn ngữ:** Môn học "Dẫn luận ngôn ngữ học" nhằm mục tiêu giúp cho sinh viên Trường Đại học Đông Đô nắm được những kiến thức lí luận cơ bản, mở đầu về ngôn ngữ như: nguồn gốc, chức năng và các đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ; những bộ phận thiết yếu cấu thành ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng - ngữ nghĩa, ngữ pháp), một số thao tác, phương pháp phân tích, miêu tả ngôn ngữ học. Trong một chừng mực nhất định, bài giảng có cập nhật những tri thức ngôn ngữ học mới nhất có liên quan.

Từ mục tiêu trên, bài giảng có nhiệm vụ giới thiệu một cách thật dễ hiểu những tri thức ngôn ngữ học hữu quan kèm theo các ngữ liệu thuộc những loại hình ngôn ngữ khác nhau để làm sáng tỏ giúp sinh viên hiểu những vấn đề lí luận được trình

bày, đồng thời biết cách nhận diện, miêu tả, phân tích và nhận xét, đánh giá các hiện tượng ngôn ngữ.

Sau khi học xong, sinh viên có thể ứng dụng kiến thức đã thu nhận được vào trong lĩnh vực chuyên ngành đang theo học, nhất là trong lĩnh vực dịch thuật hay công nghệ thông tin,...

**14. Phương pháp nghiên cứu khoa học :** Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu, cách thức sử dụng các phương pháp nghiên cứu, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.

**15. Cơ sở văn hóa Việt Nam:** Môn học “Cơ sở văn hóa Việt Nam” nhằm mục tiêu trang bị cho sinh viên Trường Đại học Đông Đô những tri thức lí luận cơ bản, mở đầu về văn hóa học, mặt lịch đại và đồng đại của văn hóa Việt Nam.

Để đạt được mục tiêu trên, bài giảng sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản như: khái niệm văn hóa và văn hóa học; cấu trúc và các thiết chế, chức năng của văn hóa; văn hóa và văn minh; mối quan hệ giữa văn hóa và xã hội, con người; vấn đề tộc người, ngôn ngữ và văn hóa; sơ lược diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam. Đặc biệt nhằm phục vụ cho đối tượng đặc thù là sinh viên Trường Đại học Đông Đô nên bài giảng còn cung cấp những tri thức cơ bản về đặc trưng văn hóa - dân tộc của người Việt được kết tinh, tàng trữ trong tiếng Việt trên các mặt định danh, từ nguyên, ý nghĩa của từ và tư duy ngôn ngữ với tư liệu độc đáo là các từ cổ, thành ngữ và tục ngữ.

Bài giảng đặc biệt hữu ích đối với sinh viên các khoa ngoại ngữ cả trong giảng dạy lẫn nghiên cứu ngoại ngữ đang theo học.

**16. Nghiệp vụ văn phòng:** Môn học có nội dung thiết thực, chủ đề của mỗi bài đều là những chủ đề rất cơ bản, đơn giản và thông dụng. Đồng thời, nội dung bài học cũng chú trọng cho sinh viên những đặc điểm nổi bật cần chú ý trong nghiệp vụ văn phòng, từ việc sàng lọc từ vựng đến phong cách diễn đạt, giúp sinh viên có thể đọc hiểu, nắm vững và vận dụng vào công việc trong tương lai.

Mỗi bài học trong chương trình nội dung đều rất đa dạng như: cơ cấu công ty, nghiệp vụ hành chính văn phòng, phỏng vấn, bồi dưỡng nhân viên, văn hoá doanh nghiệp, các loại văn bản giấy tờ dùng trong công ty, bố trí nhiệm vụ, kế hoạch và báo cáo cuối năm... Đồng thời, nội dung các bài học được phân bổ từ dễ đến khó, bài khóa và

bài tập được gắn kết chặt chẽ với nhau, đảm bảo sinh viên có thể thực hành một cách tối đa và hiệu quả nhất. Bên cạnh đó, người học tiếp tục được nâng cao các kỹ năng thực hành tiếng và được bổ sung thêm các kỹ năng giao tiếp trong nghiệp vụ văn phòng

**17. Logic học:** Theo giáo trình Logic học

**18. Tâm lý Đại Cương:** Theo Tập bài giảng của trường Đại học Đông Đô.

**19. Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1:**

Số tín chỉ: 4

Giáo trình: 《汉语教程》(第一册)(上)(修订本), 杨寄洲, 北京语言大学出版社, 2006年版

Nội dung môn học chủ yếu hướng dẫn cho sinh viên mới bắt đầu học tiếng Trung những kiến thức cơ bản về chữ Hán, cách phát âm, hệ thống phiên âm, ngữ âm, ngữ điệu, đồng thời cung cấp cho sinh viên từ vựng, cấu trúc câu, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đàm thoại ở mức độ sơ cấp. Thông qua môn học, sinh viên có thể nắm vững được các quy tắc về phát âm, vận dụng tốt các câu nói cơ bản trong cuộc sống hàng ngày; sử dụng thuần thục những từ ngữ, mẫu câu và ngữ pháp đơn giản để có thể giao tiếp suôn sẻ; phát âm chính xác, nghe hiểu các đoạn hội thoại đơn giản và có khả năng giao tiếp lưu loát những câu đàm thoại cơ bản trong cuộc sống hàng ngày. Mỗi bài bao gồm sáu phần: bài khóa, từ mới, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp, bài tập. Giáo viên hướng dẫn sinh viên hiểu rõ nghĩa và phát âm chính xác các từ mới và nắm vững các điểm ngữ pháp chính, chú thích, các mẫu câu đàm thoại, đoạn văn trong bài khóa. Sau khi hoàn thành xong phần từ mới, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp, bài khóa, Giáo viên cho sinh viên làm bài tập theo giờ quy định, sau đó chỉnh sửa và cuối cùng cho sinh viên thực hành đàm thoại, đọc lưu loát nội dung bài khóa, bài đọc thêm; đồng thời Giáo viên đặt các câu hỏi có liên quan đến bài học cho sinh viên trả lời.

**20. Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2**

Số tín chỉ: 4

Giáo trình: 《汉语教程》(第一册)(下)(修订本), 杨寄洲, 北京语言大学出版社, 2006年版.

Nội dung chi tiết môn học: tổng cộng học 15 buổi, 4 tiết / buổi. Mỗi bài bao gồm sáu phần: bài khóa, từ mới, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp, bài tập. Giáo viên hướng dẫn sinh viên hiểu rõ nghĩa và phát âm chính xác các từ mới và nắm vững các điểm ngữ pháp chính, chú thích, các mẫu câu đàm thoại, đoạn văn trong bài khóa. Sau khi hoàn thành xong phần từ mới, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp, bài khóa, Giáo viên cho sinh viên làm bài tập theo giờ quy định, sau đó chỉnh sửa và cuối cùng cho

sinh viên thực hành đàm thoại, đọc lưu loát nội dung bài khóa, bài đọc thêm; đồng thời Giáo viên đặt các câu hỏi có liên quan đến bài học cho sinh viên trả lời.

## **21. Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3**

Số tín chỉ: 4

Giáo trình: 《汉语教程》（第二册）（上）（修订本），杨寄洲，北京语言大学出版社，2006年版。

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1, 2.

Môn học gồm 15 bài cụ thể, mỗi bài được thiết kế với đầy đủ các nội dung như từ mới, bài khóa, ngữ pháp, bài tập. Môn học rèn luyện kỹ năng tổng hợp nghe, nói, đọc, viết. Giúp sinh viên vận dụng thông thạo các cấu trúc ngữ pháp và từ vựng đã học trong dịch thuật Việt – Hán, Hán – Việt, đồng thời tạo kiến thức nền để sinh viên tiếp tục học Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4.

Thông qua môn học, sinh viên có thể nắm được những kỹ năng cơ bản về dịch thuật và từ vựng trong quá trình học; dịch được những câu, đoạn văn cơ bản (từ tiếng Trung sang tiếng Việt và ngược lại); phân tích và đánh giá được những câu văn, đoạn văn đã dịch sẵn; áp dụng những kỹ năng và vốn từ đã học vào bài tập cụ thể và thực tiễn cuộc sống.

## **22. Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4**

Số tín chỉ: 4

Giáo trình: 《汉语教程》（第二册）（下）（修订本），杨寄洲，北京语言大学出版社，2006年版。

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3.

Môn học gồm 15 bài cụ thể, mỗi bài được thiết kế với đầy đủ các nội dung như từ mới, bài khóa, ngữ pháp, bài tập. Môn học rèn luyện kỹ năng tổng hợp nghe, nói, đọc, viết. Giúp sinh viên vận dụng thông thạo các cấu trúc ngữ pháp và từ vựng đã học trong dịch thuật Việt – Hán, Hán – Việt, đồng thời tạo kiến thức nền để sinh viên tiếp tục học Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5. Ngoài những kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể đạt được vốn từ vựng khoảng 3000 từ. Có kỹ năng dịch những câu tương đối phức tạp, các đoạn văn tương đối khó.

Nội dung bài giảng bao gồm các phần: Từ vựng: Giải thích từ ngữ, từ chuyên môn, thành ngữ, tục ngữ và các ngữ cố định, mở rộng từ. Từ pháp: giảng dạy cách sử dụng từ ngữ, phân biệt cách dùng của những từ cận nghĩa. Người dạy đưa ra các câu tiếng Việt yêu cầu sinh viên dịch sang tiếng Hoa. Sinh viên cũng có thể tự đặt câu. Bài khóa: Sinh viên đọc dịch bài khóa sang Tiếng Việt. Nội dung các bài khóa phản ánh cuộc sống xã hội đương đại Trung Quốc được chất lọc từ báo chí, internet. Người dạy hướng dẫn sinh viên dịch những đoạn văn khó một cách lưu loát, phù hợp với văn phong tiếng Việt. Bài tập: Đọc, dịch các đoạn văn ngắn. Thực hành dịch xuôi,

dịch ngược. Yêu cầu sinh viên dịch các mẫu câu dài, phức tạp từ tiếng Hoa sang tiếng Việt hoặc từ tiếng Việt sang tiếng Hoa.

### **23. Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5**

Số tín chỉ: 4

Giáo Trình: 《汉语教程》（第三册）（上）（修订本），杨寄洲，北京语言大学出版社，2006年版.

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4.

Môn học gồm 15 bài cụ thể, mỗi bài được thiết kế với đầy đủ các nội dung như từ mới, bài khoá, ngữ pháp, bài tập. Môn học rèn luyện kỹ năng tổng hợp nghe, nói, đọc, viết. Giúp sinh viên vận dụng thông thạo các cấu trúc ngữ pháp và từ vựng đã học trong dịch thuật Việt – Hán, Hán – Việt, đồng thời tạo kiến thức nền để sinh viên tiếp tục học Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5.

Ngoài những kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể đạt được vốn từ vựng khoảng 3000 từ. Có kỹ năng dịch những câu tương đối phức tạp, các đoạn văn tương đối khó. Nội dung bài giảng bao gồm các phần: Từ vựng: Giải thích từ ngữ, từ chuyên môn, thành ngữ, tục ngữ và các ngữ cố định, mở rộng từ. Từ pháp: giảng dạy cách sử dụng từ ngữ, phân biệt cách dùng của những từ cận nghĩa. Người dạy đưa ra các câu tiếng Việt yêu cầu sinh viên dịch sang tiếng Hoa. Sinh viên cũng có thể tự đặt câu. Bài khóa: Sinh viên đọc dịch bài khóa sang Tiếng Việt. Nội dung các bài khóa phản ánh cuộc sống xã hội đương đại Trung Quốc được chất lọc từ báo chí, internet. Người dạy hướng dẫn sinh viên dịch những đoạn văn khó một cách lưu loát, phù hợp với văn phong tiếng Việt. Bài tập: Đọc, dịch các đoạn văn ngắn. Thực hành dịch xuôi, dịch ngược. Yêu cầu sinh viên dịch các mẫu câu dài, phức tạp từ tiếng Hoa sang tiếng Việt hoặc từ tiếng Việt sang tiếng Hoa.

### **24. Tiếng Trung Quốc tổng hợp 6**

Số tín chỉ: 4

Giáo trình: 《汉语教程》（第三册）（下）（修订本），杨寄洲，北京语言大学出版社，2006年版.

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5.

Môn học gồm 15 bài cụ thể, mỗi bài được thiết kế với đầy đủ các nội dung như từ mới, bài khoá, ngữ pháp, bài tập. Môn học rèn luyện kỹ năng tổng hợp nghe, nói, đọc, viết. Giúp sinh viên vận dụng thông thạo các cấu trúc ngữ pháp và từ vựng đã học trong dịch thuật Việt – Hán, Hán – Việt, đồng thời tạo kiến thức nền để sinh viên tiếp tục học Tiếng Trung Quốc tổng hợp 6.

Ngoài những kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể đạt được vốn từ vựng khoảng 3500 từ. Có kỹ năng dịch những câu tương đối phức tạp, các đoạn văn tương đối khó. Nội dung bài giảng bao gồm các phần: Từ

vựng: Giải thích từ ngữ, từ chuyên môn, thành ngữ, tục ngữ và các ngữ cố định, mở rộng từ. Từ pháp: giảng dạy cách sử dụng từ ngữ, phân biệt cách dùng của những từ cận nghĩa. Người dạy đưa ra các câu tiếng Việt yêu cầu sinh viên dịch sang tiếng Hoa. Sinh viên cũng có thể tự đặt câu. Bài khóa: Sinh viên đọc dịch bài khóa sang Tiếng Việt. Nội dung các bài khóa phản ánh cuộc sống xã hội đương đại Trung Quốc được chất lọc từ báo chí, internet. Người dạy hướng dẫn sinh viên dịch những đoạn văn khó một cách lưu loát, phù hợp với văn phong tiếng Việt. Bài tập: Đọc, dịch các đoạn văn ngắn. Thực hành dịch xuôi, dịch ngược. Yêu cầu sinh viên dịch các mẫu câu dài, phức tạp từ tiếng Hoa sang tiếng Việt hoặc từ tiếng Việt sang tiếng Hoa.

## 25. Nghe nói 1

Số tín chỉ: 2

Giáo trình: 《汉语听力教程》, 第一册, 胡波、杨雪梅编著, 北京语言大学出版社, 2004年版)

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1.2.

Nội dung môn học: Từ bài 1 đến bài ôn tập số 1 (quyển 1): Luyện nghe về thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu, âm tiết, gồm các dạng bài nghe:

Phần luyện nghe thanh mẫu, vận mẫu và thanh điệu: Nghe và đọc theo; Nghe và điền vào các thanh mẫu, vận mẫu hoặc thanh điệu và đọc đáp án; Nghe và đối chiếu với những âm tiết cho sẵn xem có giống nhau không. Phần luyện ngữ âm ngữ điệu: Nghe và nhắc lại; Nghe và điền các âm tiết còn thiếu vào chỗ trống.

Từ bài 6 đến bài 14 (quyển 1): gồm phần nghe và lý giải, phần ngữ âm ngữ điệu.

## 26. Nghe nói 2

Số tín chỉ: 2

Giáo trình: 《汉语听力教程》, 第二册, 胡波、杨雪梅编著, 北京语言大学出版社, 2004年版)

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Trung Quốc nghe nói 1.

Mỗi bài học gồm có 2 phần chính: phần nghe hiểu và phần nghe bổ sung.

Từ bài 1- bài 14 (quyển 2): gồm phần nghe và lý giải, phần nghe mở rộng và phần luyện ngữ âm, ngữ điệu.

Phần nghe và lý giải có ba dạng luyện tập chính gồm: Nghe câu và chọn đáp án đúng, nghe đoạn đối thoại và chọn đáp án đúng; nghe những hội thoại và đoạn văn ngắn phán đoán đúng sai, trả lời câu hỏi hoặc thuật lại nội dung; nghe và điền từ vào chỗ trống; Phần nghe mở rộng gồm: nghe 2 hoặc 3 đoạn văn ngắn và trả lời các câu

hỏi; Phần luyện tập ngữ âm ngữ điệu gồm các bài luyện phân biệt âm và ngữ điệu, luyện tập trọng âm của câu như:

+ Nghe và đối chiếu với những câu cho sẵn xem có giống nhau không?

+ Nghe và đọc diễn cảm.

+ Nghe và chọn đáp án đúng...

### **27. Nghe nói 3**

Số tín chỉ: 3

Giáo trình: 《汉语听力教程》, 第三册, 胡波、杨雪梅编著, 北京语言大学出版社, 2004年版)

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Trung Quốc nghe nói 1,2.

Sinh viên sẽ học môn này trong 45 tiết. Mỗi bài học gồm có 2 phần chính: phần nghe hiểu và phần nghe bổ sung.

Phần nghe hiểu có 2 phần nhỏ, phần đầu là nghe và chọn đáp án đúng gồm có 10 bài tập nhỏ, sinh viên sau khi nghe băng sẽ chọn 1 đáp án trong 3 đáp án có sẵn, phần thứ 2 sinh viên sẽ được nghe một đoạn văn sau đó sẽ căn cứ theo nội dung đoạn văn đã nghe để làm các bài tập như chọn đáp án đúng sai, chọn trắc nghiệm ABC, điền vào chỗ trống, nói câu tương ứng, trả lời câu hỏi...

Phần nghe bổ sung mỗi phần có 2 đoạn văn khác nhau với nội dung tương đối khó hơn đoạn văn của phần nghe hiểu, vì vậy giáo trình chỉ yêu cầu sinh viên nắm nội dung chính của phần này, bài tập của phần này thường là chọn đáp án đúng hoặc sai.

### **28. Nghe Nói 4 ( HSK 5)**

Số tín chỉ: 2

Giáo trình: 汉语水平考试 5 级-汉办出版社

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Trung Quốc nghe nói 1-3

Trên cơ sở những môn nghe 1,2,3 học phần này nhằm hướng tới mục tiêu giúp cho người học có cái nhìn toàn diện về cuộc thi HSK và các dạng đề nghe thường gặp khi thi HSK. Học phần đưa ra các phương pháp làm bài giúp sinh viên tự tin hơn khi thi HSK.

Mỗi bài nghe HSK 5 sẽ gồm 2 phần:

Phần 1 gồm 20 câu hỏi, nội dung nghe của phần này sẽ là các đoạn hội thoại ngắn giữa hai người. 20 câu hỏi sẽ là 20 đoạn hội thoại, mỗi 1 câu hỏi sinh viên chỉ có 10-15s để chọn đáp án.

Phần 2 gồm 25 câu hỏi, ở phần này thường là những đoạn hội thoại dài hơn hoặc là các đoạn văn ngắn.

### **29. Đọc viết 1**



Số tín chỉ:2

Giáo trình: 汉语系列阅读修订版第一册, do Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh biên soạn, tác giả 张丽娜 chủ biên.

Đây là môn học bắt buộc dành cho sinh viên ở học kỳ 2. Môn học nhằm hướng dẫn, rèn luyện cho sinh viên nắm vững các kỹ năng đọc hiểu; từng bước trau dồi khả năng đọc hiểu độc lập cho sinh viên. Giáo trình này cung cấp cho người học vốn từ vựng đa dạng, phù hợp trình độ; các bài đọc có nội dung phong phú thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau như: kinh tế, văn hóa, ẩm thực, đời sống xã hội, hôn nhân và gia đình...; Thông qua những bài đọc này, sinh viên bên cạnh việc nắm bắt được những kiến thức kỹ năng ngôn ngữ cần thiết, còn có thể mở rộng thêm sự hiểu biết của mình về đất nước và con người Trung Quốc ở nhiều khía cạnh khác nhau. Môn học cũng sẽ giúp sinh viên củng cố và nắm chắc hơn các cấu trúc ngữ pháp cũng như ý nghĩa của một số từ ngữ khó trong từng ngữ cảnh cụ thể... Mỗi đơn vị bài trong sách được phân thành 4 đoạn đọc (trung bình sinh viên sẽ học 3 đoạn/5 tiết) có nội dung thống nhất với chủ đề chính của toàn bài. Giáo viên khi lên lớp sẽ giới thiệu những từ ngữ, cấu trúc trọng tâm, hướng dẫn sinh viên đọc bài, tìm thông tin và thực hiện phần bài tập sau mỗi đoạn đọc để sinh viên rèn kỹ năng đọc và hiểu rõ nội dung của từng bài học.

### 30. Đọc viết 2

Số tín chỉ: 2

Giáo trình: 汉语系列阅读 ( 修订版第二册 ) , do Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh biên soạn, tác giả 张丽娜 chủ biên.

Nội dung môn học chủ yếu hướng dẫn, rèn luyện cho sinh viên nắm vững được các kỹ năng đọc hiểu như: đọc lướt 400 từ trong 3 – 3.5 phút để tìm ý chính của bài hoặc các thông tin cần thiết, đọc và đoán nghĩa của từ mới trong bài, phân tích bài đọc, tóm tắt nội dung của bài đọc; đồng thời làm đúng các bài tập cũng như các đề thi về phán đoán đúng sai, điền từ.... Mục tiêu của môn học là củng cố và nâng cao vốn từ vựng của sinh viên, giúp sinh viên nắm vững các cấu trúc phức tạp của câu, đồng thời rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đọc hiểu các bài đọc với nhiều chủ đề khác nhau như: gia đình, xã hội, tự nhiên, văn hóa, văn học, công nghệ thông tin...Giáo viên giới thiệu những từ vựng chính, hướng dẫn sinh viên hiểu các cấu trúc câu quan trọng trong bài và hiểu ý chính của bài, sau đó cho sinh viên đọc lướt nắm thông tin và làm bài tập theo thời gian quy định, cuối cùng Giáo viên sửa bài và cho sinh viên đọc kỹ lại để hiểu bài hơn; hoặc Giáo viên đặt câu hỏi thảo luận có liên quan đến bài học và cho sinh viên tóm tắt bài khóa, trình bày và nêu ý kiến về bài học.

-Viết là một trong những kỹ năng quan trọng khi học ngôn ngữ, và môn Kỹ năng viết văn 1 là môn bắt buộc cho các sinh viên khi vào năm 2. Môn này cung cấp các kiến thức cơ bản về kỹ năng viết từ một câu đến một đoạn văn trong tiếng Hán. Nội dung cơ bản của môn học này như sau:

- Học cách phân biệt và viết đúng các dấu câu trong tiếng Trung Quốc.
- Củng cố văn phạm để diễn đạt các ý tưởng ở dạng câu đơn đúng ngữ pháp.
- Giúp sinh viên có thể soạn thảo các mẫu thư tín xã giao, các đơn từ trong thủ tục hành chính...
- Giúp sinh viên làm quen và phát triển kỹ năng viết độc lập, sáng tạo và logic qua việc quan sát sự việc hoặc hình ảnh. Môn học này trọng tâm nghiêng về kỹ năng viết nên sinh viên luyện viết trên lớp và sẽ được các bạn, giảng viên đóng góp ý kiến để bài viết của mình hoàn chỉnh hơn.

### **31. Đọc viết 3**

Số tín chỉ: 2

Giáo trình: 汉语系列阅读 ( 修订版第三册 ) , do Nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh biên soạn, tác giả 张丽娜 chủ biên.

Thông qua các kỹ năng đọc, người học sẽ tiếp xúc với các văn bản phù hợp với trình độ và từng kỹ năng đọc. Người học sẽ được học về các thành ngữ, cách phân tích các mẫu câu, các đoạn văn và cả văn bản. Tuỳ theo yêu cầu của bài tập từng văn bản, người học sẽ học các kỹ năng về đọc như đọc kỹ, đọc lướt hoặc đọc tìm thông tin. Sau đó sẽ hoàn thành các bài tập theo văn bản. Nội dung bài học sẽ thay đổi tuỳ theo từng khoá học, nhưng cũng chỉ xoay quanh các chủ đề như là: Giáo dục, Cuộc sống, Đất nước con người, Kinh tế xã hội, Bảo vệ môi trường, Khoa học kỹ thuật v.v....

Môn học hướng dẫn người học cách viết văn tự sự; Cách viết văn miêu tả người; Cách miêu tả tâm lý và hành động, ngôn ngữ của nhân vật. Ngoài ra, môn học còn cung cấp các kiến thức về từ vựng, về câu mẫu, về đoạn văn mẫu, về bài văn mẫu, từng bước tuần tự hướng dẫn người học viết được 01 bài hoàn chỉnh. Người học sau khi học môn Kỹ năng viết văn 2 sẽ có được các kiến thức về kỹ năng viết văn tự sự, văn miêu tả người; Áp dụng được những kiến thức này vào trong công việc, trong cuộc sống; Có cái nhìn đúng đắn về viết văn, kỹ năng viết văn... đều có những kiểu mẫu, công thức nhất định, không khó và khô khan như mọi người nghĩ.

### 32. Đọc viết 4 (HSK 5)

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: sau khi hoàn thành các học phần 1,2,3. Trên cơ sở những môn đọc 1,2,3 học phần này nhằm hướng tới mục tiêu giúp cho người học có cái nhìn toàn diện về cuộc thi HSK và các dạng đề nghe thường gặp khi thi HSK. Học phần đưa ra các phương pháp làm bài giúp sinh viên tự tin hơn khi thi HSK.

Mỗi bài đọc HSK 5 sẽ gồm 3 phần nhỏ:

Phần 1: có 15 câu, đọc đoạn văn và điền từ vào chỗ trống; các đoạn văn khoảng 200 chữ, loại câu hỏi ở phần này gồm 2 loại: điền từ và điền câu.

Phần 2: gồm 10 câu, chọn đáp án có cùng nội dung với đoạn văn cho phía trên. Nội dung của các đoạn văn phần này chủ yếu là giải thích, hướng dẫn, trần thuật hoặc mô tả, mỗi đoạn dài khoảng 70-130 chữ.

Phần 3: gồm 20 câu, đọc đoạn văn và chọn đáp án đúng. Mỗi đoạn văn khoảng 250-500 chữ, và tốc độ đọc của bạn cần đạt tới 130 chữ /phút.

**\* Phần Viết: thời gian làm bài 40 phút, gồm 10 câu chia làm 2 phần nhỏ**

Phần 1: hoàn thành câu, gồm 8 câu. Ở phần này là bài tập sắp xếp các từ cho trước thành 1 câu hoàn chỉnh.

Phần 2: dựa vào gợi ý viết đoạn văn, gồm 2 câu là câu 99 và câu 100. Câu 99 là cho các từ và bạn sẽ phải viết 1 đoạn văn ngắn khoảng 80 chữ trong đó có sử dụng toàn bộ những từ đề bài đã đưa ra bên trên. Câu 100 sẽ cho 1 hình ảnh và yêu cầu bạn viết 1 đoạn văn ngắn khoảng 80 chữ có nội dung liên quan đến hình ảnh đó.

### 33. Lý thuyết dịch

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành 06 học phần tiếng Trung Quốc tổng hợp. Nhuận nhuyễn 04 kỹ năng nghe nói đọc viết, có một lượng từ vựng 3000 từ và nắm vững được những hiện tượng ngữ pháp cơ bản.

Dựa vào hai loại hình giao tiếp cơ bản của con người (nói và viết), người ta chia công việc phiên dịch thành hai dạng: *phiên dịch* và *biên dịch*.

-Người phiên dịch cần có khả năng phối hợp nhuần nhuyễn ngôn ngữ. Nghĩa là họ phải sử dụng trôi chảy, nắm vững ít nhất hai ngôn ngữ (bao gồm ngôn ngữ gốc và ngôn ngữ dịch).

Khả năng diễn đạt một cách ngắn gọn, rõ ràng, sử dụng từ ngữ linh hoạt, vốn từ vựng phong phú.

Ngoài ra sinh viên làm quen với các khái niệm thực hành : Dịch nói, dịch đuôi, dịch đồng thời, dịch xuôi, dịch ngược, dịch những tài liệu văn hoá chuyên ngành.

### **34. Đất nước học Trung Quốc**

Số tín chỉ: 2

Giáo trình: 中国概况-北京语言大学出版社

Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành 06 học phần tiếng Trung Quốc tổng hợp.

Thông qua địa lí từng vùng, sinh viên sẽ được tìm hiểu về phong tục, tập quán, danh lam thắng cảnh, công trình kiến trúc, ẩm thực, đồ mỹ thuật truyền thống của từng vùng miền.

Phần mở đầu sẽ học khái quát về đất nước, con người Trung Quốc, ví dụ như địa lí, diện tích, địa hình, sông ngòi, dân tộc, chữ viết v.v...

Phần tiếp theo sẽ đi vào nội dung cụ thể từng vùng, khu vực hay thành phố như Bắc kinh, Tây An, Hàng Châu, Tô Châu, Nam Kinh, Quảng Tây, Tân Cương. Ví dụ học về thủ đô Bắc Kinh sẽ về tìm hiểu về Bắc Kinh xưa và nay, kiến trúc Cố cung, Di Hoà Viên, Tứ hợp viện, Kinh kịch, đồ thủ công Cảnh Thái lam, một số món ăn đặc trưng như vịt quay Bắc Kinh; các món ăn vặt, món ăn đường phố v.v

### **35. Ngữ âm văn tự tiếng Hán**

Số tín chỉ: 2

Giáo trình: 曹文（2002），汉语语音教程，北京语言文化大学出版社

Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành các 06 học phần tiếng Trung Quốc tổng hợp.

Môn học gồm các nội dung chính như âm thanh, ngữ âm, phiên âm quốc tế, nguyên âm, phụ âm, âm tố, âm vị, các loại thanh mẫu và vận mẫu, hiện tượng biến âm, khinh thanh, er hóa, biến điệu và ngữ điệu. Khác với các môn Khẩu ngữ sơ cấp và Khẩu ngữ trung cấp, ngoài chú trọng phát âm và chỉnh âm ra, môn Ngữ âm còn trang bị thêm các kiến thức mang tính lý luận. Về mặt lý luận, môn học chú trọng các nguyên lý phát âm của tiếng phổ thông và các kiến thức ngữ âm đã nêu; về thực tiễn, chú trọng chỉnh sửa phát âm thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu và ngữ điệu. Qua môn học sinh viên hiểu được các nguyên lý phát âm của tiếng phổ thông, nắm vững quy

luật phát âm của hệ thống phiên tiếng Trung Quốc, phát âm tốt các thanh mẫu, vận mẫu, khinh thanh, er hóa, thanh điệu, ngữ điệu và có kiến thức cơ bản về phiên âm quốc tế.

### **36. Ngữ pháp tiếng Hán hiện đại**

Số tín chỉ: 3

Giáo Trình: 汉语语法教程-北京语言文化大学出版社-孙德金, 2002.

Học phần này giúp cho người học có cái nhìn toàn diện hệ thống ngữ pháp, nắm được các quy luật, đặc điểm của nó. Vai trò quan trọng của ngữ pháp trong biểu đạt ngôn ngữ.

Học phần gồm 03 phần:

- Phần 1: Lý luận. Các khái niệm về ngữ pháp. Phân tích ngữ pháp, đơn vị ngữ pháp. Ngữ pháp tiếng Hán hiện đại.

- Phần 2: Từ và câu. Từ và từ loại. Danh từ, động từ, hình dung từ, đại từ, số từ và lượng từ, phó từ, giới từ, liên từ, trợ từ, từ tượng thanh, thán từ; Tổ hợp từ và kết cấu cú pháp; Câu và thành phần câu; Các loại câu và các kiểu câu; Tổ hợp câu - câu phức.

- Phần 3: Thời gian. Cách biểu đạt thời gian. Thời điểm và thời đoạn. Thời gian và động từ. Hệ thống "thể" hay còn gọi là "thì" trong tiếng Hán.

### **37. Từ vựng học tiếng Trung Quốc**

Số tín chỉ: 2

Giáo trình: 汉语词汇教程-北京语言大学出版社-万艺玲.

Điều kiện tiên quyết: Sau khi hoàn thành 06 học phần tiếng Trung Quốc tổng hợp, ngữ âm, ngữ pháp.

Học phần này giúp cho người học có cái nhìn toàn diện về Từ vựng, đặc điểm và phương thức cấu tạo, các loại từ vựng, vai trò của từ vựng trong biểu đạt ngôn ngữ. Mối quan hệ giữa từ vựng và văn hoá. Học phần này giúp sinh viên có được những kiến thức cơ bản nhất về hệ thống từ vựng, giúp sinh viên tự tin hơn khi thi HSK có liên quan đến từ vựng.

Học phần gồm 05 phần. Phần 1: Lý luận. phần 2: Từ hình và từ nghĩa. Phần 3: Quan hệ giữa từ và từ. Phần 4: Thực Ngữ. Phần 5: Thực Ngữ.

### **38. Dịch nói 1**

Số tín chỉ: 3

Giáo trình: 外贸汉语口语 30 课-张静贤-北京语言学院出版社 (bài 1-15)

Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành các học phần tiếng Trung Quốc tổng hợp, từ vựng, ngữ pháp, ngôn ngữ học đối chiếu, đất nước học, dịch nói 1.

Môn học truyền thụ lý luận phiên dịch qua các mẫu câu thường gặp trong những tình huống cụ thể, giúp người học vận dụng thành thạo lý luận phiên dịch vào thực tiễn phiên dịch thông qua việc thực hành dịch thực tế. Môn học rèn luyện cho sinh viên biết nắm bắt cấu trúc câu khi nghe thông tin, từ đó diễn đạt phù hợp, dịch nói lưu loát.

Kết cấu các chuyên đề:

Phần mở đầu - khái quát tổng quan về từng lĩnh vực chuyên đề của mỗi bài;

Phần hội thoại - gồm 5 đoạn, chỉ rõ các bước thực hiện của công việc theo mức từ đơn giản đến nâng cao, vẫn đảm bảo đủ các bước tiến hành công việc như trong thực tế;

Phần từ vựng có đối chiếu Hán - Anh;

Phần bài tập - có nhiều dạng, nhất là dạng tự hoàn thành đối thoại với từ ngữ, thuật ngữ, mẫu câu cho sẵn giúp người tự học có thể ôn lại kiến thức đã học trong bài đối thoại;

Phần đọc hiểu - các bài có nội dung liên quan đến lĩnh vực, chủ đề của từng bài.

### **39. Dịch nói 2**

Số tín chỉ: 3

Giáo trình: 外贸汉语口语 30 课-张静贤-北京语言学院出版 (bài 16-30)

Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành các học phần tiếng Trung Quốc tổng hợp, từ vựng, ngữ pháp, ngôn ngữ học đối chiếu, đất nước học, dịch nói 1.

Môn học truyền thụ lý luận phiên dịch qua các mẫu câu thường gặp trong những tình huống cụ thể, giúp người học vận dụng thành thạo lý luận phiên dịch vào thực tiễn phiên dịch thông qua việc thực hành dịch thực tế. Môn học rèn luyện cho sinh viên biết nắm bắt cấu trúc câu khi nghe thông tin, từ đó diễn đạt phù hợp, dịch nói lưu loát.

Kết cấu các chuyên đề:

Phần mở đầu- khái quát tổng quan về từng lĩnh vực chuyên đề của mỗi bài;

Phần hội thoại- gồm 5 đoạn, chỉ rõ các bước thực hiện của công việc theo mức từ đơn giản đến nâng cao, vẫn đảm bảo đủ các bước tiến hành công việc như trong thực tế;

Phần từ vựng có đối chiếu Hán - Anh;

Phần bài tập- có nhiều dạng, nhất là dạng tự hoàn thành đối thoại với từ ngữ, thuật ngữ, mẫu câu cho sẵn giúp người tự học có thể ôn lại kiến thức đã học trong bài đối thoại;

Phần đọc hiểu- các bài có nội dung liên quan đến lĩnh vực, chủ đề của từng bài.

#### **40. Dịch nói 3**

Số tín chỉ: 3

Giáo trình: Là các video clip liên quan đến các chủ đề kinh tế, thương mại, du lịch bằng tiếng Trung và Tiếng Việt.

Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành các học phần tiếng Trung Quốc tổng hợp, từ vựng, ngữ pháp, ngôn ngữ học đối chiếu, đất nước học, dịch nói 1, dịch nói 2.

Đây là việc chuyển đổi văn bản nói từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác. Người dịch nói phải chịu sức ép rất lớn về thời gian; phản ứng rất nhanh và gần như không có thời gian để suy nghĩ, cân nhắc về từ ngữ. Người dịch viết có thể đọc lại những gì mình đã dịch, chữa lại cho ngôn ngữ trong sáng, rõ ràng, chuẩn xác hơn. Nhưng người dịch nói không có cơ hội làm việc ấy. Trong thời gian ngắn nhất, họ phải tìm ra cách dịch chuẩn xác nhất.

Công việc dịch nói có một số yêu cầu: Người phiên dịch nói phải tập trung cao độ; Phải nhanh chóng hiểu được vấn đề đang được truyền tải ở cả hai ngôn ngữ; Diễn đạt ý tứ của vấn đề một cách rõ ràng, ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu; Có khả năng phân tích, tinh ý và trí nhớ tốt.

Tài liệu chính là các video clip liên quan đến các chủ đề kinh tế, thương mại, du lịch do giáo viên phụ trách môn học biên soạn và thường xuyên cập nhật sát với tình hình thực tế. Trong mỗi chuyên đề, giáo viên sẽ kết hợp giảng lý thuyết và hướng dẫn thực hành theo những những vấn đề cơ bản của quy trình dịch theo các bước như sau:

1. Từ mới và cấu trúc ngữ pháp trọng điểm.

2. Các bước căn bản trong quy trình biên dịch.
  - 2.1. Phương pháp xác định cấu trúc câu (câu đơn, câu phức, câu phức nhiều tầng).
  - 2.2. Lựa chọn phương án thích hợp chuyển dịch cấu trúc giữa hai ngôn ngữ.
3. Thực hành dịch, nhận xét các phương án dịch.
4. Kỹ xảo trong dịch thuật: tập sử dụng các thủ thuật tách câu, ghép câu, cải biên.
5. Kỹ xảo trong dịch thuật: tập sử dụng các thủ thuật như thêm bớt từ ngữ, tỉnh lược.

#### **41. Dịch viết 1**

Số tín chỉ: 3

Giáo trình: Bài tập luyện dịch tiếng Trung ứng dụng, tác giả Nhật Phạm, Nxb Hồng Đức.

Học phần này gồm 45 tiết lên lớp giảng viên sẽ cho sinh viên bước đầu làm quen với các bài tập luyện dịch cơ bản. Phần này sẽ là các câu tiếng Việt hoặc tiếng Trung thường được sử dụng và được biên soạn theo hệ thống ngữ pháp tiếng Hán hiện đại ở cả mảng giao tiếp và hàn lâm học thuật, giúp các bạn cải thiện, hoàn thiện kiến thức cũng như thực hành ứng dụng các mảng ngữ pháp, cấu trúc, củng cố thêm vốn từ vựng tiếng Trung ứng dụng. Cụ thể là các loại câu chữ "把", câu bị động, câu liên động, câu tồn hiện, biểu thị hành động chỉ thời gian, định ngữ, trạng ngữ, các loại bổ ngữ, các loại câu so sánh, các trợ từ ....

#### **42. Dịch viết 2**

Số tín chỉ: 3

Giáo trình: Bài tập luyện dịch tiếng Trung ứng dụng, tác giả Nhật Phạm, Nxb Hồng Đức.

Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành các học phần tiếng Trung Quốc tổng hợp, từ vựng, ngữ pháp, ngôn ngữ học đối chiếu, đất nước học, dịch viết 1.

Học phần này gồm 45 tiết học trên lớp và là học phần nối tiếp nâng cao của học phần dịch viết 1. Phần này luyện dịch các đoạn văn ngắn với dung lượng 100-300 từ trong các lĩnh vực của đời sống như giao tiếp thương mại, kinh tế, giáo dục, du lịch, đất nước con người Việt Nam. Phần này giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng dịch, tích lũy cấu trúc tiếng Trung nâng cao cũng như lượng từ vựng phong phú ở nhiều lĩnh vực.



### 43. Dịch viết 3

Số tín chỉ: 3

Giáo trình: Luyện dịch tiếng Trung qua các văn bản hợp đồng thư tín (chữ phồn thể)

Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành các học phần tiếng Trung Quốc tổng hợp, từ vựng, ngữ pháp, ngôn ngữ học đối chiếu, đất nước học, dịch viết 1,2.

Học phần này trên cơ sở luyện dịch câu, đoạn văn của hai học phần trước sẽ cho sinh viên luyện dịch ngược xuôi các văn bản dựa theo các chuyên đề (trong đó có nhiều văn bản bằng chữ phồn thể).

- Chuyên đề I: Biên dịch hợp đồng thương mại( bao gồm hợp đồng mua bán, hợp đồng xuất nhập khẩu, hợp đồng BOT, hợp đồng chuyển giao kỹ thuật...)

- Chuyên đề II: Biên dịch hợp đồng dân sự (gồm hợp đồng thuê phương tiện vận chuyển, hợp đồng thuê tài sản, hợp đồng dịch vụ pháp lý, hợp đồng lao động)

- Chuyên đề III:Biên dịch các loại văn bản, chứng từ thường dùng trong doanh nghiệp, trong hoạt động xuất nhập khẩu. bản tin kinh tế

- Chuyên đề IV: Biên dịch các văn bản pháp quy (trích đoạn luật đầu tư, luật thương mại, các nghị định chi tiết thi hành luật trong lĩnh vực kinh tế)

- Chuyên đề V: Biên dịch văn bản chính trị, ngoại giao (thư từ, công văn, tuyên bố trong ngoại giao)

- Chuyên đề VI: Biên dịch tài liệu văn hóa, du lịch.

### 44. Thuyết minh cảnh quan du lịch Hà Nội

Số tín chỉ: 3

Giáo trình: Thuyết minh cảnh quan du lịch Hà Nội- Trường Đại học Thủ Đô

Đây là môn học tự chọn đối với tất cả các sinh viên khi bước vào học kỳ thứ 6,7. Học phần Thuyết minh cảnh quan du lịch Hà Nội nhằm củng cố những kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp đã học ở các học phần trước, đồng thời mở rộng vốn kiến thức về văn hóa du lịch. Mở rộng vốn từ về nghiệp vụ du lịch, các cảnh điểm du lịch Hà Nội. Rèn luyện kỹ năng thuyết minh cảnh quan du lịch và bồi dưỡng vốn kiến thức về văn hóa du lịch Hà Nội

Học phần Thuyết minh cảnh quan du lịch Hà Nội tập trung vào thuyết minh những cảnh quan điển hình của Hà Nội như: Lăng Bác, Văn Miếu, Chùa ở Hà Nội, Hồ Hoàn Kiếm, Hoàng Thành Thăng Long, Phố cổ... Trên cơ sở đó người học tiếp

tục phát huy tính năng động sáng tạo, tự tìm tòi nghiên cứu để có thể giới thiệu tiếp những cảnh quan khác ở Hà Nội cũng như trên toàn quốc.

#### **45. Văn học Trung Quốc**

Số tín chỉ: 3

Giáo trình: 中国文学

Đây là môn học tự chọn đối với tất cả các sinh viên khi bước vào học kỳ thứ 6,7. Với chất liệu là ngôn từ nghệ thuật, tác phẩm văn học trước nay luôn được xem là nơi ẩn chứa thế giới tâm linh sâu sắc nhất của dân tộc Trung Hoa. Môn học này ngoài trang bị cho sinh viên lượng kiến thức cơ bản về văn học Trung Quốc, còn hướng dẫn họ cách phân tích và nắm bắt hàm ý từ các ngôn bản nghệ thuật, nâng cao kỹ năng giao tiếp ở mảng ngôn ngữ văn hóa, tạo thuận lợi cho việc tác nghiệp chuyên môn sau khi ra trường.

#### **46. Quán ngữ trong khẩu ngữ tiếng Hán**

Số tín chỉ: 3

Giáo trình: 汉语惯用语

Khác với Tục ngữ và Thành ngữ, Quán ngữ là dạng cụm từ được hình thành do thói quen sử dụng lâu ngày tạo ra. Chúng là những công thức nói lặp đi lặp lại với những từ ngữ tương đối ổn định. Quán ngữ có thể dùng để dẫn ý, nhập đề, liên kết, chuyển ý, kết luận v.v... Quán ngữ trong tiếng Hán cũng vậy.

Do Quán ngữ được tạo nên từ thói quen nói lâu ngày, nên đối với người học tiếng Trung, việc học Quán ngữ cũng rất quan trọng. Hiểu và sử dụng được Quán ngữ giúp câu nói của chúng ta trong quá trình giao tiếp sẽ uyển chuyển hơn, linh hoạt hơn, súc tích hơn. Từ đó khiến người nghe cũng cảm thấy dễ hiểu và thú vị hơn. Đây cũng chính là mục tiêu hàng đầu mà môn *Quán Ngữ trong Khẩu Ngữ Tiếng Hán* đặt ra.

Môn học đi theo giáo trình và một số tài liệu tham khảo về Quán Ngữ trong khẩu ngữ tiếng Hán, tiến hành giới thiệu, giải thích các Quán ngữ thường dùng, đưa ra bối cảnh cụ thể và cách dùng các Quán ngữ đó. Người học sẽ cùng luyện tập bằng cách làm các bài tập trong giáo trình, các hình thức rèn luyện trên lớp v.v...

Việc sử dụng nhuần nhuyễn Quán ngữ trong khẩu ngữ tiếng Hán sẽ giúp người học cảm thấy dễ dàng, tự tin hơn trong giao tiếp.

#### **47. Tên môn học: Khẩu ngữ tiếng Trung 1**

Số tín chỉ: 3

Giáo Trình: 汉语口语

Thuyết trình, thảo luận theo các chủ đề nhằm nâng cao kỹ năng khẩu ngữ của người học. Nội dung bài khóa phong phú, gần gũi, liên quan đến những vấn đề nổi bật trong đời sống xã hội thực tế. Người học trình bày ý kiến cá nhân, thảo luận nhóm, trao đổi ý kiến hoặc tranh luận đa chiều, vừa nâng cao kỹ năng khẩu ngữ, vừa bổ sung kiến thức xã hội, nâng cao tinh thần làm việc theo nhóm....

Nội dung chủ yếu gồm có:

Phần 1, giới thiệu các kỹ năng biểu đạt.

Phần 2, các bài khóa chính bao gồm nội dung về tình yêu hôn nhân, bình đẳng nam nữ, giáo dục gia đình, kinh tế, môi trường sinh thái, quan niệm sống, sự nghiệp ....

Phần 3, thực hành: chia nhóm thảo luận hoặc cá nhân thuyết trình. Trao đổi thảo luận, trình bày xoay quanh các vấn đề liên quan đến bài khóa. Giúp người học nắm rõ nội dung bài khóa, đồng thời trên cơ sở đó phát triển mở rộng nội dung thảo luận, trao đổi ý kiến, rèn luyện kỹ năng diễn đạt.

#### **48. Khẩu ngữ tiếng Trung 2**

Số tín chỉ : 3

Giáo Trình: 汉语口语

Các bài khóa với chủ đề phong phú, gần gũi với thực tế, đưa ra nhiều luồng ý kiến khác nhau đan xen để người học có thể tiến hành thảo luận xung quanh các vấn đề nổi bật của xã hội ngày nay. Mỗi một đề tài đều có khoảng 3 bài khóa nói về các quan điểm theo từng đề tài, sinh viên thuyết trình xoay quanh vấn đề và các quan điểm được đề cập trong đề tài để làm rõ vấn đề. Sau đó các nhóm chia nhau từng vấn đề cụ thể để triển khai và đưa ra quan điểm của nhóm mình. Giáo viên và sinh viên cùng góp ý để làm rõ vấn đề chưa được giải quyết.

#### **49. Tiếng Trung du lịch**

Số tín chỉ: 2

Giáo trình: 饭店、旅馆交际中的汉语-河内师范大专

Học phần **Tiếng Trung Quốc du lịch** cung cấp cho sinh viên các từ, cấu trúc câu và các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ hướng dẫn du lịch. Bên cạnh đó, sinh viên tiếp tục được nâng cao các kỹ năng thực hành tiếng và được bổ sung thêm các kỹ

năng giao tiếp trong nghiệp vụ du lịch. Nội dung của học phần Tiếng Trung du lịch được sắp xếp theo trình tự các chủ điểm trong nghiệp vụ hướng dẫn du lịch như: Phương tiện du lịch, qua hải quan, đón đoàn du lịch, lịch trình du lịch, giới thiệu cảnh điểm du lịch,... giúp người học không chỉ trang bị được kiến thức tiếng, đồng thời còn hiểu thêm về các kiến thức nghiệp vụ du lịch.

### **50. Tiếng Trung trong khách sạn nhà hàng**

Số tín chỉ: 2

Giáo trình: 饭店、旅馆交际中的汉语-河内师范大专

Đây là môn học tự chọn đối với tất cả các sinh viên khi bước vào học kỳ thứ 6, 7. Môn học cung cấp cho người học những kiến thức về ngành du lịch, và nghề hướng dẫn viên du lịch hướng dẫn cho người học quy trình chuẩn bị đón đoàn cho đến lúc tiễn đoàn, cung cấp cho người học cách giải quyết xử lý tình huống cũng như cung cách phục vụ, chăm sóc khách hàng. Ngoài ra, người học còn được học thêm những kỹ năng mềm như: Hướng dẫn quy trình và sử dụng dịch vụ khi lưu trú khách sạn, hướng dẫn lễ nghi khi ăn tiệc – tiệc buffet...Môn học còn cung cấp những vốn từ, mẫu câu chuyên dùng trong ngành du lịch – khách sạn giúp người học có thể ứng dụng trong nghề.

Thông qua môn học, người học có được các kiến thức cơ bản về ngành du lịch và nghề hướng dẫn viên du lịch. Có được kỹ năng hướng dẫn du khách và chăm sóc khách du lịch. Áp dụng được những kiến thức, kỹ năng này vào trong công việc sau này. Có cái nhìn đúng đắn về nghề hướng dẫn viên du lịch, góp phần định hướng nghề nghiệp cho người học

### **51. Tiếng Trung báo chí**

Số tín chỉ: 3

Giáo Trình:报刊汉语

Đây là môn học tự chọn đối với tất cả các sinh viên khi bước vào học kỳ thứ 6,7, là môn học rèn luyện kỹ năng đọc hiểu với các thể tài báo chí có nội dung đề cập mọi lĩnh vực đời sống Trung Quốc đương đại như ngoại giao, cải cách mở cửa, kinh tế, môi trường, giáo dục, việc làm, giao thông, thanh niên, phụ nữ, hôn nhân. Trọng điểm giảng dạy học tập tập trung vào các nội dung: từ ngữ, kết cấu - mẫu câu, ngữ đoạn, thể loại, kỹ năng đọc hiểu.

Phần 1. Những nội dung giảng dạy về từ ngữ: Từ ngữ cơ bản thường dùng trong báo chí; Thuật ngữ chuyên ngành: chú trọng những từ ngữ chuyên môn mới xuất hiện, khó hiểu hoặc những từ ngữ có nội hàm văn hóa cao; Thành ngữ và các ngữ cố định; Những từ ngữ rút gọn, các cách diễn đạt vắn tắt; Cách dùng các hư từ.

Phần 2. Các loại câu thông dụng trong báo chí.

Phần 3. Các đoạn văn.

Phần 4. Sinh viên thực hành.

## **52. Tiếng trung văn phòng.**

Số tín chỉ: 3

Giáo trình : 公司汉语

Đây là môn học tự chọn đối với tất cả các sinh viên khi bước vào học kỳ thứ 6, 7. Môn học gồm 10 bài cụ thể, mỗi bài được thiết kế với các nội dung khác nhau về các kiến thức cơ bản của nghiệp vụ văn phòng. Trong mỗi bài khóa chia làm bốn phần với bốn kỹ năng cơ bản là đọc, nghe, nói và viết. Từ mới là những từ trích dẫn từ bài khóa, đa phần là những từ thường dùng trong nghiệp vụ thương mại và giao tiếp trong công sở với tần số xuất hiện cao. Phần đọc và phần nghe là quá trình tiếp nhận kiến thức chung, bao gồm một bài đọc có độ dài khoảng trên dưới 500 từ và các kết cấu câu thường dùng trong giao tiếp thương mại. Phần nói và viết là quá trình kiểm tra kiến thức. Phần nói sẽ là những đề tài có liên quan đến phần đọc và nghe, sinh viên sau khi nắm vững các từ chuyên môn ở phần đọc và phần nghe, sẽ vận dụng vào bài thuyết trình hay bài hội thoại của mình. Phần viết sẽ giúp sinh viên biết cách vận dụng văn phong thương mại cho văn bản của mình.

Tuy nhiên, tùy theo tính chất từng bài học mà mức độ chú trọng và tập trung vào mỗi phần của bài học có sự khác biệt.

## **53. Thực tập tốt nghiệp.**

Số tín chỉ: 3

Đây là học phần bắt buộc đối với nhưng sinh viên sắp ra trường. Môn học đòi hỏi sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên ngành đã học vào trong thực tế, cụ thể là đến làm việc thực tế tại một công ty, cơ quan hoặc trường học trong thời gian ít nhất là một tháng. Sau khi hoàn tất một công việc thực tập, sinh viên sẽ rút ra được nhiều bài học quý báu bổ sung cho vốn kiến thức và kỹ năng của mình. Từ đó giúp

sinh viên xác định và có những chọn lựa tốt nhất cho nghề nghiệp tương lai. Đây chính là bước khởi đầu cho con đường nghề nghiệp của các sinh viên khi ra trường.

#### **54. Ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc**

Số tín chỉ: 3

Giáo Trình: 中国语言文化-北京大学出版社

Giới thiệu khái quát văn hóa truyền thống và phong tục tập tục Trung Quốc- một trong những chiếc nôi của văn minh nhân loại. Những thành tựu rực rỡ của nền văn minh ấy được kết tinh trong nhiều lĩnh vực như kỹ thuật, kiến trúc, điêu khắc, triết học, tôn giáo, văn học, hội họa.... “Nhập môn văn hóa Trung Quốc” giúp người học đã có trình độ tiếng Hán nhất định hiểu thêm về những thành tựu rực rỡ này. Nội dung trình bày chủ yếu gồm tư tưởng truyền thống, quan niệm đạo đức truyền thống, văn học, nghệ thuật truyền thống (hội họa, thư pháp, âm nhạc, vũ đạo, hý kịch), văn vật, kinh tế, khoa học kỹ thuật, kiến trúc, nhân sinh, tín ngưỡng, lễ nghi, lễ tết, nghệ truyền thống, ẩm thực, trang phục, võ thuật, y học....

#### **55. Kỹ năng thuyết trình**

Số tín chỉ: 3

Giáo Trình: 口若悬河演讲的技巧, 暨南大学出版社, 2014

Môn học cung cấp một số kiến thức cơ bản về vấn đề thuyết trình, thuyết trình tiếng Trung Quốc, phân loại thuyết trình, các dụng cụ hỗ trợ thuyết trình, các bước xây dựng bài thuyết trình, các kỹ năng cần thiết có liên quan đến thuyết trình bằng tiếng Trung. Sau khi kết thúc học phần sinh viên tự mình xây dựng được các kỹ năng sau đây: Kỹ năng xây dựng bài thuyết trình bằng tiếng Trung; kỹ năng sử dụng các công cụ hỗ trợ thuyết trình; kỹ năng thuyết trình vấn đề bằng tiếng Trung; Kỹ năng thảo luận và giải đáp câu hỏi sau thuyết trình bằng tiếng Trung; kỹ năng theo dõi và tóm lược bài thuyết trình bằng tiếng Trung./.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2023

**PHÓ TRƯỞNG KHOA**



**ThS. Trần Thị Thanh Liêm**